

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 03/CV.2014

TP HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2014

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC
năm 2013 hợp nhất do đơn vị tự lập & BCTC
năm 2013 sau khi được kiểm toán

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 9987
Ngày: 28/3/14

Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Công Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh về các số liệu thay đổi trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng lập và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2013 của Công ty sau khi kiểm toán như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Số liệu đơn vị báo cáo trước kiểm toán	Số liệu đơn vị báo cáo sau kiểm toán	Chênh lệch
1	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.885.381.285	96.763.655	1.788.617.630
2	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.133.678.487	4.949.418.346	(1.788.617.630)
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	699.032.503.309	698.251.639.484	780.863.825
4	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	698.712.153.722	697.931.289.897	780.863.825
5	Giá vốn hàng bán	639.475.943.264	640.256.807.089	(780.863.825)

Thuyết minh chênh lệch:

Số liệu chênh lệch giữa Thuế và các khoản phải thu nhà nước 1.788.617.630 và Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (1.788.617.630) do:

Đơn vị chưa căn trừ số thuế TNDN của công ty mẹ còn phải thu 1.788.617.630 và số thuế TNDN của công ty con phải nộp.

Số liệu chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán chênh lệch 780.863.825 đồng do: Đơn vị ghi nhận giảm trừ doanh thu nội bộ thấp hơn so với giá trị sổ sách, dẫn đến giá vốn giảm tương ứng, tuy nhiên không ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận kinh doanh của đơn vị.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng về các chỉ tiêu thay đổi trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 sau khi kiểm toán.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- HĐQT Công ty
- Lưu VP. TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG
TỔNG GIÁM ĐỐC





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 39
8. Phụ lục	40 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TDH (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn**Công ty mẹ**

Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 17 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	20.000.000.000	8,19
Các cổ đông khác	224.305.960.000	91,81
Cộng	244.305.960.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là TPC.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
 Điện thoại : (84 – 8) 39 737 277 - 39 737 278
 Fax : (84 – 8) 39 737 279 - 39 737 276
 E-mail : daihungplastic@hcm.vnn.vn
 Mã số thuế : 0302760102

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); mua bán, sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH TDH	C11 – C15, cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000837 ngày 22 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 30 tháng 5 năm 2013 đã bổ nhiệm Bà Phạm Đỗ Diễm Hương thay thế Ông Nguyễn Văn Hùng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 5 năm 2013.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Trong năm Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã chia cổ tức năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 5 năm 2013 với tổng số tiền là 29.776.538.400 VND (1.400 VND/cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	19 tháng 9 năm 2012	30 tháng 5 năm 2013
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Chủ tịch	30 tháng 5 năm 2013	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch	30 tháng 5 năm 2013	-
Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó Chủ tịch	30 tháng 5 năm 2013	-
Bà Tôn Thị Hồng Minh	Thành viên	06 tháng 4 năm 2012	30 tháng 5 năm 2013
Ông Phạm Văn Mẹo	Thành viên	06 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	11 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Hữu Vinh	Thành viên	06 tháng 4 năm 2012	-
Ông Huỳnh Thanh Tuấn	Thành viên	06 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	06 tháng 4 năm 2012	-
Bà Đào Thanh Tuyền	Ủy viên	06 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Ủy viên	06 tháng 4 năm 2012	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	06 tháng 4 năm 2012	30 tháng 5 năm 2013
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Tổng Giám đốc	30 tháng 5 năm 2013	-
Ông Phạm Văn Mẹo	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

004498
CÔNG
NHÌEM
TOÁN VÀ
A &
H-T.P.V

001
NG T
PHẢI
NHỰA
ĐẠI H



Số: 0307/2014/BC/TC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH THĐI (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) được lập ngày 25 tháng 02 năm 2014, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp; lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1


Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2014

03004
CÔ
ACH N
EM TO
A
Y BINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		592.786.152.044	522.892.650.141
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.014.250.213	111.581.303.792
1. Tiền	111		16.014.250.213	18.381.303.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	93.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		123.500.000.000	28.167.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	123.500.000.000	28.167.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		269.073.823.974	235.600.696.840
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	219.767.041.544	221.922.728.402
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	45.077.735.734	12.121.450.363
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	6.849.758.901	4.510.546.845
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(2.620.712.205)	(2.954.028.770)
IV. Hàng tồn kho	140		170.894.704.572	126.530.875.631
1. Hàng tồn kho	141	V.7	170.894.704.572	126.530.875.631
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.303.373.285	21.012.273.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		581.902.670	2.950.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.364.695.135	18.589.136.465
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.17	96.763.655	484.588.413
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.260.011.825	1.935.599.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.133.129.139	90.773.773.626
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.216.907.058	46.525.819.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	44.216.907.058	46.525.819.631
Nguyên giá	222		95.758.399.950	90.870.123.059
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.541.492.892)	(44.344.303.428)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		164.800.000	164.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(164.800.000)	(164.800.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	-	20.654.438.844
Nguyên giá	241		-	20.654.438.844
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22.035.061.600	23.167.692.300
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	34.944.447.615	32.844.447.615
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(12.909.386.015)	(9.676.755.315)
V. Tài sản dài hạn khác	260		881.160.481	425.822.851
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		727.075.418	271.737.788
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	154.085.063	154.085.063
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		659.919.281.183	613.666.423.767

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		343.542.177.727	290.627.247.380
I. Nợ ngắn hạn	310		250.413.586.252	171.633.375.284
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	197.943.913.238	116.650.909.685
2. Phải trả cho người bán	312	V.15	29.731.588.484	25.725.833.162
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	4.949.418.346	5.310.192.475
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.17	1.345.060.857	4.770.203.081
5. Phải trả người lao động	315	V.18	7.206.455.501	8.640.775.789
6. Chi phí phải trả	316	V.19	1.352.134.614	956.621.451
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.20	7.885.015.212	9.578.839.641
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		93.128.591.475	118.993.872.096
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.21	93.128.591.475	118.993.872.096
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		316.377.103.456	323.039.176.387
I. Vốn chủ sở hữu	410		316.377.103.456	323.039.176.387
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	244.305.960.000	244.305.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	86.242.518.451	86.242.518.451
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.22	(40.632.476.860)	(40.632.476.860)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.22	26.461.101.865	33.123.174.796
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CÒ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		659.919.281.183	613.666.423.767

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		432.237,55	651.854,90
Euro (EUR)		20,87	20,87
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-


TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

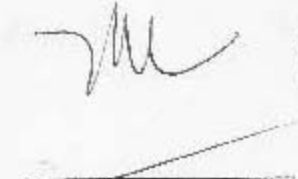
Đơn vị tính: VND

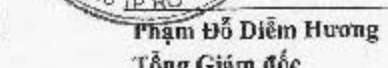
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	698.251.639.484	617.738.976.729
2. Các khoản giảm trừ	03	VL.1	320.349.587	10.361.677.317
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	697.931.289.897	607.377.299.412
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	639.475.943.264	575.398.977.822
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.455.346.633	31.978.321.590
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.922.588.711	43.408.314.269
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.696.944.413	21.238.426.299
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.338.453.309	21.843.433.371
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	14.886.415.684	13.673.303.872
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.629.817.985	17.346.550.647
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.164.757.262	23.128.355.041
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.243.732.544	148.724.285.999
12. Chi phí khác	32	VI.8	410.603.089	138.691.014.789
13. Lợi nhuận khác	40		9.833.129.455	10.033.271.210
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.997.886.717	33.161.626.251
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	4.546.135.249	3.203.864.307
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>23.451.751.468</u>	<u>29.957.761.944</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		23.451.751.468	29.957.761.944
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.103</u>	<u>1.409</u>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014


 Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng


 Phạm Đỗ Diễm Hương
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.997.886.717	33.161.626.251
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	8.587.620.218	9.958.251.479
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 12	2.899.314.135	(345.206.134)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	1.702.053.214	(3.015.425.208)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 7, 8	(6.476.483.143)	(34.953.904.695)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.338.453.309	21.843.433.371
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.048.844.450	26.648.775.064
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(130.633.058.762)	102.473.075.244
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.709.390.097)	21.997.324.876
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		109.061.031.857	30.755.702.857
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(814.418.031)	(62.593.661)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.19; VI.4	(10.745.729.926)	(27.098.014.874)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(4.659.767.465)	(3.406.014.107)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.452.487.975)	151.308.255.399
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(6.786.585.000)	(22.790.118.781)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	322.000.000	377.427.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(303.800.000.000)	(27.455.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		204.300.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.100.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	19.250.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	7.837.583.939	26.068.070.096
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(100.227.001.061)	(4.550.121.412)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	328.177.483.160	451.957.162.094
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(273.288.399.717)	(818.703.562.453)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(29.776.538.400)	(42.983.344.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.112.545.043	(409.729.744.363)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(90.566.943.993)	(262.971.610.376)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	111.581.303.792	374.470.274.341
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(109.586)	82.639.827
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	21.014.250.213	111.581.303.792

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014


 Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng


 Phạm Đỗ Diễm Hương
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TDH (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn

của công ty mẹ : Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất bao bì nhựa, mua bán bao bì nhựa bao bì hạt nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) và kinh doanh bất động sản.

4. Tổng số các công ty con : 01

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty TNHH TDH	C11 - C15, cụm Công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	100%	100%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 696 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 664 nhân viên).

7. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 30 tháng 5 năm 2013 đã bổ nhiệm Bà Phạm Đỗ Diễm Hương thay thế Ông Nguyễn Văn Hùng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 5 năm 2013.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10
Máy móc và thiết bị	02 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2013	: 21.075 VND/USD
	28.865 VND/EUR
31/12/2012	: 20.813 VND/USD
	27.350 VND/EUR

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được hưởng lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	30.252.901	103.049.908
Tiền gửi ngân hàng	15.983.997.312	18.278.253.884
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	5.000.000.000	93.200.000.000
Cộng	<u>21.014.250.213</u>	<u>111.581.303.792</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay ngắn hạn	-	20.167.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (*)	123.500.000.000	8.000.000.000
Cộng	<u>123.500.000.000</u>	<u>28.167.500.000</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng Commonwealth bank of Australia – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 107.500.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Commonwealth bank of Australia – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	174.037.056.795	162.159.089.709
Các khách hàng nước ngoài	45.729.984.749	59.763.638.693
Cộng	<u>219.767.041.544</u>	<u>221.922.728.402</u>

4. Trả trước cho người bán
Trả trước các nhà cung cấp nguyên vật liệu.**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cơ quan bảo hiểm xã hội	238.310.503	-
Lãi vay phải thu Công ty TNHH Đại Hưng	2.712.455.103	3.931.002.795
Lãi phải thu	249.729.583	426.277.600
Phải thu Công ty cổ phần đầu tư cơ sở hạ tầng Tân Đô	3.030.623.668	-
Các khoản phải thu khác	618.640.044	153.266.450
Cộng	<u>6.849.758.901</u>	<u>4.510.546.845</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 03 năm của khoản công nợ phải thu khách hàng nước ngoài. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.954.028.770	769.955.487
Trích lập dự phòng	-	2.184.073.283
Hoàn nhập dự phòng	(333.316.565)	-
Số cuối năm	<u>2.620.712.205</u>	<u>2.954.028.770</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	3.239.681.818	6.640.893.246
Nguyên liệu, vật liệu	56.702.915.697	78.618.844.195
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.287.239.473	24.322.648.104
Thành phẩm	22.240.792.892	16.948.490.086
Hàng hóa bất động sản	16.424.074.692	-
Cộng	<u>170.894.704.572</u>	<u>126.530.875.631</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.640.468.680	81.545.540.785	5.021.767.524	662.346.070	90.870.123.059
Mua trong năm	-	3.073.760.994	3.670.714.910	42.109.096	6.786.585.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(292.000.000)	(438.613.650)	-	(730.613.650)
Giảm khác	(80.389.000)	(726.928.125)	-	(360.377.334)	(1.167.694.459)
Số cuối năm	<u>3.640.468.680</u>	<u>84.327.301.779</u>	<u>8.253.868.784</u>	<u>704.455.166</u>	<u>95.758.399.950</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	323.417.952	9.782.943.154	-	201.591.282	10.307.952.386
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.522.603.550	39.238.036.327	3.129.083.176	454.580.375	44.344.303.428
Khấu hao trong năm	458.436.049	7.385.529.330	693.858.177	49.796.662	8.587.620.218
Thanh lý, nhượng bán	-	(77.866.669)	(364.741.894)	-	(442.608.563)
Giảm khác	(69.515.881)	(649.934.774)	-	(228.371.535)	(947.822.191)
Số cuối năm	<u>1.911.523.718</u>	<u>45.895.764.214</u>	<u>3.458.199.459</u>	<u>276.005.502</u>	<u>51.541.492.892</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.117.865.130	42.307.504.458	1.892.684.348	207.765.695	46.525.819.631
Số cuối năm	<u>1.728.944.962</u>	<u>38.431.537.565</u>	<u>4.795.669.325</u>	<u>428.449.664</u>	<u>44.216.907.058</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Tình hình biến động của bất động sản đầu tư như sau:

Số đầu năm	20.654.438.844
Kết chuyển hàng hóa bất động sản	(16.424.074.692)
Kết chuyển giá vốn hàng hóa khác	(4.230.364.152)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		22.844.447.615		22.844.447.615
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	3	198.949	3	198.949
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	532.847	11.300.000.000	532.847	11.300.000.000
- Công ty cổ phần văn hóa Tân Bình	193.976	10.544.248.666	193.976	10.544.248.666
- Công ty cổ phần đầu tư cơ sở hạ tầng Tân Đô	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		12.100.000.000		10.000.000.000
- Công ty cổ phần dịch vụ đầu tư hạ tầng Á Châu	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Công ty cổ phần nhựa Thuận Đức Long An (*)	14.000	2.100.000.000	-	-
Cộng		34.944.447.615		32.844.447.615

Trong năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần nhựa Thuận Đức Long An với số lượng 14.000 cổ phiếu chiếm tỉ lệ 14% vốn điều lệ của Công ty này.

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.676.755.315	12.206.034.732
Trích lập dự phòng bổ sung	3.232.630.700	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(2.529.279.417)
Số cuối năm	12.909.386.015	9.676.755.315

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 khoản lỗ lũy kế còn được kết chuyển sang các năm sau chưa được ghi nhận tài sản thuế hoãn lại là 6.220.488.005 VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	170.687.109.938	89.732.957.273
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Lũy Bán Bích ⁽ⁱ⁾	25.416.450.000	22.642.202.112
- Ngân hàng Commonwealth bank of Australia - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	68.378.522.438	54.847.057.016
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	13.877.887.500	12.243.698.145
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình ^(iv)	46.365.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam ^(v)	16.649.250.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.21)	27.256.803.300	26.917.952.412
Cộng	197.943.913.238	116.650.909.685

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Lũy Bán Bích để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp, cầm cố quyền sử dụng đất là tài sản cá nhân của các thành viên Hội đồng quản trị và bảo lãnh của Công ty TNHH Đại Hưng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Commonwealth bank of Australia – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng.

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi tiết kiệm của các thành viên hội đồng quản trị và bảo lãnh của Công ty TNHH Đại Hưng.

(v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	89.732.957.273	328.177.483.160	-	(247.539.192.741)	315.862.246	170.687.109.938
Vay dài hạn đến hạn trả	26.917.952.412	-	26.037.618.228	(25.749.206.976)	50.439.636	27.256.803.300
Cộng	116.650.909.685	328.177.483.160	26.037.618.228	(273.288.399.717)	366.301.882	197.943.913.238

15. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua nguyên liệu, phụ tùng sản xuất	28.803.125.465	18.165.677.214
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	928.463.019	7.560.155.948
Cộng	29.731.588.484	25.725.833.162

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hợp đồng góp vốn đầu tư nền đất	1.987.800.000	2.126.325.000
Trả trước về mua hàng hoá	2.961.618.346	3.183.867.475
Cộng	4.949.418.346	5.310.192.475

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.696.470.724	8.033.670.777	(9.636.196.522)	1.093.944.979
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.708.984.263	22.700.523.686	(24.409.507.949)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	44.303.406	(44.303.406)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	364.748.094	4.546.135.249	(4.659.767.465)	251.115.878
Thuế thu nhập cá nhân	(190.508.413)	1.707.824.051	(1.614.079.293)	(96.763.655)
Các loại thuế khác	(294.080.000)	306.080.000	(12.000.000)	-
Cộng	4.285.614.668	37.338.537.169	(40.375.854.635)	1.248.297.202

Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	0%
- Hàng hóa tiêu thụ trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH TĐH nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt sợi bao bì nhựa với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.997.886.717	33.161.626.251
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	7.766.827.701	1.380.925.778
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(841.326.113)
Thu nhập chịu thuế	35.764.714.418	33.701.225.916
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(11.380.061.677)
Thu nhập được miễn thuế	(293.065.850)	-
Thu nhập tính thuế	35.471.648.568	22.321.164.239

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh của mẹ lỗ không phải nộp thuế	(4.473.082.348)	-
- Thu nhập của Công ty con hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	36.689.896.532	15.768.816.820
- Thu nhập của Công ty con hoạt động không được hưởng ưu đãi (thuế suất 25%)	3.254.834.384	6.552.347.419
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.151.687.902	4.791.850.219
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(3.668.989.653)	(1.576.881.682)
Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động ủy thác kinh doanh bất động sản phải nộp	63.437.000	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	(11.104.230)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.546.135.249	3.203.864.307

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 25% xuống còn 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và bằng 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và trích trước lương tháng 13 phải trả.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoa hồng bán hàng	350.345.345	186.697.376
Phí gia công nguyên liệu	-	769.924.075
Chi phí lãi vay	592.723.383	-
Các chi phí khác	409.065.886	-
Cộng	1.352.134.614	956.621.451

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	365.022.216	93.481.288
Cổ tức còn phải trả	1.233.489.360	654.828.600
Trả trước theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô	4.654.500.000	8.830.529.753
Khoản phải trả khác	1.632.003.636	-
Cộng	7.885.015.212	9.578.839.641

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Lũy Bán Bích để sang nhượng quyền sử dụng đất và nhà xưởng ở lô C9 – C11– C15 Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa – Long An. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản của Công ty TNHH TĐH và tài sản của các cá nhân có liên quan.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	27.256.803.300
Trên 01 năm đến 05 năm	93.128.591.475
Tổng nợ	120.385.394.775

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	118.993.872.096	145.911.824.508
Chênh lệch tỷ giá	172.337.607	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(26.037.618.228)	(26.917.952.412)
Số cuối năm	93.128.591.475	118.993.872.096

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	-	1.100.330.004
Trả cổ tức năm nay	29.776.538.400	41.883.014.000
Cộng	29.776.538.400	42.983.344.004

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.430.596	24.430.596
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.430.596	24.430.596
- Cổ phiếu phổ thông	24.430.596	24.430.596
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.161.640)	(3.161.640)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.161.640)	(3.161.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.268.956	21.268.956
- Cổ phiếu phổ thông	21.268.956	21.268.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	698.251.639.484	617.738.976.729
- Doanh thu cung cấp hàng hóa nguyên vật liệu	416.148.663.481	34.617.339.989
- Doanh thu cung cấp thành phẩm	274.421.993.550	577.402.963.003
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.943.582.453	5.718.673.737
- Doanh thu hoạt động khác	5.737.400.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(320.349.587)	(10.361.677.317)
- Giảm giá hàng bán	(320.349.587)	(8.096.157.317)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	(2.265.520.000)
Doanh thu thuần	<u>697.931.289.897</u>	<u>607.377.299.412</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa nguyên vật liệu	415.828.313.894	34.617.339.989
- Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm	274.421.993.550	567.041.285.686
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.943.582.453	5.718.673.737
- Doanh thu thuần hoạt động khác	5.737.400.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa nguyên vật liệu đã cung cấp	413.619.202.268	36.346.260.887
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	219.682.794.391	533.334.043.200
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.943.582.453	5.718.673.735
Giá vốn khác	4.230.364.152	-
Cộng	<u>639.475.943.264</u>	<u>575.398.977.822</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.112.487.503	27.131.644.142
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	93.983.798	155.821.943
Lãi tiền cho vay	1.036.934.877	614.834.067
Cổ tức lợi nhuận được chia	293.065.850	1.374.308.286
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	904.804.113	7.184.755.460
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.015.425.208
Doanh thu tài chính khác	481.312.570	3.931.525.163
Cộng	<u>7.922.588.711</u>	<u>43.408.314.269</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HÙNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	11.338.453.309	21.843.433.371
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	423.807.191	1.924.272.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.702.053.213	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	3.232.630.700	(2.529.279.417)
Cộng	<u>16.696.944.413</u>	<u>21.238.426.299</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.357.197	21.612.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.181.811.131	78.967.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.653.041.269	13.240.688.579
Chi phí khác	38.206.087	332.035.397
Cộng	<u>14.886.415.684</u>	<u>13.673.303.872</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.393.557.729	10.548.239.090
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	648.793.335	539.345.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.847.104	568.371.830
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(592.170.193)	2.184.073.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.482.764	539.125.572
Chi phí khác	4.049.307.246	2.967.395.483
Cộng	<u>16.629.817.985</u>	<u>17.346.550.647</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	322.000.000	377.427.273
Nguyên giá của Bất động sản đầu tư chuyển trả lại do không thực hiện được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất	-	135.646.400.000
Thu lãi phạt từ khoản đầu tư mua bất động sản	7.745.802.812	7.676.300.000
Thu nhập khác	2.175.929.732	5.024.158.726
Cộng	<u>10.243.732.544</u>	<u>148.724.285.999</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	288.005.087	346.749.073
Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư chuyển trả lại do không thực hiện được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất	-	129.843.960.000
Chi phí thuê nhà xưởng	-	7.670.000.000
Chi phí khác	122.598.002	830.305.716
Cộng	<u>410.603.089</u>	<u>138.691.014.789</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	23.451.751.468	29.957.761.944
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.451.751.468	29.957.761.944
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.268.956	21.268.956
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.103	1.409

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	403.090.467.046	303.564.642.199
Chi phí nhân công	56.126.721.820	55.253.316.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.587.620.218	10.948.548.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.711.890.253	23.932.792.775
Chi phí khác	70.906.715.528	80.608.705.619
Cộng	634.423.414.865	474.308.005.264

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan dùng tài sản cá nhân là quyền sử dụng đất và tài khoản tiết kiệm để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Lũy Bán Bích (xem thuyết minh số V.14 và V.21).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	617.050.000	815.040.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	54.306.452	49.728.000
Phụ cấp	-	49.470.000
Cộng	671.356.452	914.238.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đại Hưng	Người đại diện trong công ty này có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH TĐH
Công ty TNHH nhựa Đại Hưng	Người đại diện trong công ty này có mối quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng
Công ty TNHH Đại Hưng Thịnh	Người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng Thịnh là thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại Hưng		
Chuyển trả bất động sản đầu tư	-	135.646.400.000
Thuê nhà xưởng	4.200.000.000	-
Bán hàng hóa	3.636.363.636	-
Chi phí lãi vay đầu tư mua BĐS phải thu lại do đã chuyển trả	7.745.802.812	7.676.300.000
Công ty TNHH nhựa Đại Hưng		
Thuê văn phòng	240.000.000	-
Bán hàng hóa	60.270.050.380	-
Công ty TNHH Đại Hưng Thịnh		
Bán hàng hóa	53.161.822.644	73.019.527.682
Ứng tiền hàng thay Công ty TNHH TĐH	-	43.750.000.000
Mua hạt nhựa	12.496.818.182	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Công ty TNHH Đại Hưng còn dùng tài sản cố định là quyền sử dụng đất và nhà xưởng ở lô C9- C11-C15 Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa- Long An để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu- Chi nhánh Lũy Bán Bích (xem thuyết minh số V.14).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Hưng		
Phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	148.167.040.000	148.167.040.000
Chi phí lãi vay đầu tư mua BĐS phải thu lại do đã chuyển trả	2.712.455.103	3.931.002.795
Ứng trước tiền thuê nhà xưởng	26.380.000.000	-
Cộng nợ phải thu	177.259.495.103	152.098.042.795

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH nhựa Đại Hưng</i> Phải trả tiền thuê văn phòng	66.000.000	-
<i>Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh</i> Ứng trước tiền hàng	213.999.779	-
Cộng nợ phải trả	<u>279.999.779</u>	-

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa và hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại hạt nhựa, bao bì nhựa các loại và hoạt động sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	303.409.604.673	239.254.647.501
Châu Âu	394.521.685.224	368.122.651.911
Cộng	<u>697.931.289.897</u>	<u>607.377.299.412</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của các Công ty trong Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.014.250.213	-	-	21.014.250.213
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123.500.000.000	-	-	123.500.000.000
Phải thu khách hàng	200.993.948.897	15.764.100.000	3.008.992.647	219.767.041.544
Các khoản phải thu khác	6.611.448.398	-	-	6.611.448.398
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.100.000.000	-	21.844.447.615	34.944.447.615
Cộng	365.219.647.508	15.764.100.000	24.853.440.262	405.837.187.770
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.581.303.792	-	-	111.581.303.792
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
Phải thu khách hàng	217.674.431.492	-	4.248.296.910	221.922.728.402
Các khoản cho vay	20.167.500.000	-	-	20.167.500.000
Các khoản phải thu khác	4.510.546.845	-	-	4.510.546.845
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.000.000.000	-	22.844.447.615	32.844.447.615
Cộng	371.933.782.129	-	27.092.744.525	399.026.526.654

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (liếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yếu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	197.943.913.238	93.128.591.475	291.072.504.713
Phải trả người bán	29.731.588.484	-	29.731.588.484
Các khoản phải trả khác	8.872.127.610	-	8.872.127.610
Cộng	236.547.629.332	93.128.591.475	329.676.220.807
Số đầu năm			
Vay và nợ	116.650.909.685	118.993.872.096	235.644.781.781
Phải trả người bán	25.725.833.162	-	25.725.833.162
Các khoản phải trả khác	1.611.450.051	-	1.611.450.051
Cộng	143.988.192.898	118.993.872.096	262.982.064.994

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	432.237,55	20,87	651.854,90	20,87
Phải thu khách hàng	2.088.354,98	-	2.939.076,46	-
Vay và nợ	(13.811.269,50)	-	(11.313.846)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(11.290.676,97)	20,87	(7.722.915)	20,87

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 4.759.020.343 VND (năm trước giảm/tăng 10.351.818.378 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có khoản vay với lãi suất thả nổi là USD 13.811.269,50 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là USD 11.313.845,87).

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn cầm cố tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Commonwealth bank of Australia – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản cầm cố tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 107.500.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 86.573.169.349 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.014.250.213	-	111.581.303.792	-	21.014.250.213	111.581.303.792
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123.500.000.000	-	8.000.000.000	-	123.500.000.000	8.000.000.000
Phải thu khách hàng	219.767.041.544	(2.620.712.205)	221.922.728.402	(2.954.028.770)	217.146.329.339	218.968.699.632
Các khoản cho vay	-	-	20.167.500.000	-	-	20.167.500.000
Các khoản phải thu khác	6.611.448.398	-	4.510.546.845	-	6.611.448.398	4.510.546.845
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34.944.447.615	(12.909.386.015)	32.844.447.615	(9.676.755.315)	22.035.061.600	23.167.692.300
Cộng	405.837.187.770	(15.530.098.220)	399.026.526.654	(12.630.784.085)	390.307.089.550	386.395.742.569

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	291.072.504.713	235.644.781.781	291.072.504.713	235.644.781.781
Phải trả người bán	29.731.588.484	25.725.833.162	29.731.588.484	25.725.833.162
Các khoản phải trả khác	8.872.127.610	1.611.450.051	8.872.127.610	1.611.450.051
Cộng	329.676.220.807	262.982.064.994	329.676.220.807	262.982.064.994

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014

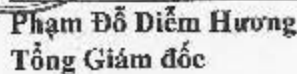


Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng





Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	8.507.346.791	47.688.665.173	346.112.013.555
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	29.957.761.944	29.957.761.944
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(42.537.842.600)	(42.537.842.600)
Điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế	-	-	-	-	(1.495.257.726)	(1.495.257.726)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(8.507.346.791)	-	(8.507.346.791)
Điều chỉnh giảm đo hợp nhất	-	-	-	-	(490.151.995)	(490.151.995)
Số dư cuối năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	-	33.123.174.796	323.039.176.387
Số dư đầu năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	-	33.123.174.796	323.039.176.387
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	23.451.751.468	23.451.751.468
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(29.776.538.400)	(29.776.538.400)
Giảm khác	-	-	-	-	(337.285.999)	(337.285.999)
Số dư cuối năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	-	26.461.101.865	316.377.103.456



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014




Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	508.554.174.613	181.696.132.831	7.680.982.453	-	697.931.289.897
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	171.301.468.133	326.177.902.421	-	(497.479.370.554)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	679.855.642.746	507.874.035.252	7.680.982.453	(497.479.370.554)	697.931.289.897
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(11.808.959.382)	37.241.036.498	1.507.035.848	-	26.939.112.964
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					26.939.112.964
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					7.922.588.711
Doanh thu hoạt động tài chính					(16.696.944.413)
Chi phí tài chính					10.243.732.544
Thu nhập khác					(410.603.089)
Chi phí khác					(4.546.135.249)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					23.451.751.468
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.036.169.364	5.901.754.631	-	-	8.937.923.995
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.867.393.545	8.416.228.038	-	-	10.283.621.583
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	34.617.339.989	567.041.285.686	5.718.673.737	-	607.377.299.412
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.617.339.989	567.041.285.686	5.718.673.737	-	607.377.299.412
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(21.187.608.513)	22.146.075.584	-	-	958.467.071
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					958.467.071
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					43.408.314.269
Doanh thu hoạt động tài chính					(21.238.426.299)
Chi phí tài chính					148.724.285.999
Thu nhập khác					(138.691.014.789)
Chi phí khác					(3.203.864.307)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					29.957.761.944
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	25.172.557.625	-	-	-	25.172.557.625
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.233.229.685	446.135.572	6.562.266.722	-	12.241.631.979
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)


Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:


	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	270.352.120.237	243.878.014.284	-	-	514.230.134.521
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					145.689.146.662
Tổng tài sản					659.919.281.183
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	195.845.140.901	27.311.642.051	-	-	223.156.782.952
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					120.385.394.775
Tổng nợ phải trả					343.542.177.727
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	298.468.433.212	243.054.274.349	20.654.438.843	-	562.177.146.404
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					51.489.277.363
Tổng tài sản					613.666.423.767
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	278.921.709.022	11.705.538.358	-	-	290.627.247.380
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					290.627.247.380



Hà Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc
